

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2017/HS-PT

Ngày: 21-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Với thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Quốc Việt

Các thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Trị;

- Ông Trần Văn Vui.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 97/2017/HSPT ngày 22/8/2017 do có kháng cáo của bị cáo Trương Văn H và Huỳnh Công Nguyên K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Văn H (B) – Sinh năm 1975, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; HKTT: Tổ 4, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: C3 ấp 3 đường N, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa 7/12; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Võ Thị Đ; có vợ là Phạm Thị Long T, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Huỳnh Công Nguyên K - Sinh năm 1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: Đường K, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường L, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Huỳnh Công C và bà Nguyễn Thị Thanh T; có vợ là Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1973 và 01 con sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

1. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Phạm Thị Phượng B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, Trương Văn H kết hôn với chị Phạm Thị Long T, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B. Năm 2010, H và chị T ly thân nhưng chưa làm thủ tục ly hôn. Sau đó, H đến thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm ăn và quen biết, chung sống như vợ chồng với chị Phạm Thị Phượng B. Khi chị B có con chung với H thì gia đình chị B yêu cầu làm đám cưới và đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con. Do H chưa ly hôn với chị T nên không thể đăng ký kết hôn với chị B được; H đã tìm gặp Huỳnh Công Nguyên K nhờ làm giấy chứng nhận kết hôn giả với chị B. K đồng ý làm với giá 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền và bản photo giấy chứng nhận kết hôn của H và chị T, K nhờ T (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giấy chứng nhận kết hôn giả số 20 quyển số 01/2013 lập ngày 15/10/2013 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với giá 2.000.000 đồng, số tiền 1.000.000 đồng còn lại K dùng tiêu xài cá nhân. Sau khi nhận giấy chứng nhận kết hôn do K đưa, H ký tên bên chồng rồi đem về cho chị B ký tên vào bên vợ; do không hiểu biết, chị B nghĩ giấy chứng nhận kết hôn H đưa là thật. Năm 2015, do phát sinh mâu thuẫn, chị B làm đơn đề nghị được ly hôn với H và nộp tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. TAND huyện L phát hiện giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển số 01/2013 lập ngày 15/10/2013 tại UBND phường L, thành phố B của chị B và H là giả nên chuyển Công an thành phố B thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã thu hình mẫu, dấu của Ủy ban nhân dân phường L và mẫu chữ ký của bà Nguyễn Trà M, bà Lý Thị Thanh H. Căn cứ theo kết luận giám định số 989/PC54-Đ3 ngày 07/10/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Phôi “Giấy chứng nhận kết hôn” số 20, quyển số 01/2013, đề ngày đăng ký 15/10/2013 (ký hiệu A) là do nhà nước phát hành; Chữ ký mang tên Nguyễn Trà M dưới mục “Người thực hiện” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với mẫu chữ ký đứng tên Nguyễn Trà M trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 không phải do cùng một người ký ra; Chữ ký mang tên Lý Thị Thanh H dưới mục “Người ký giấy chứng nhận kết hôn” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 không phải do cùng một người ký ra; Hình tròn dấu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với mẫu hình dấu trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 17/11/2016, Trương Văn H đã đến cơ quan Công an trình diện và khai nhận hành vi làm giả giấy chứng nhận kết hôn như trên.

Ngày 22/02/2017, Huỳnh Công Nguyên K được triệu tập lên làm việc và đã thừa nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K phạm tội **“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”** và xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trương Văn H 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Huỳnh Công Nguyên K 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong thời hạn kháng cáo: Ngày 03/7/2017, các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K làm đơn kháng cáo xin đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau: Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tính chất hành vi là ít nguy hiểm; động cơ, mục đích làm giả giấy tờ là để làm giấy khai sinh cho con. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng là phù hợp

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, các hành vi, Quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cấp sơ thẩm đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh*: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu được có trong hồ sơ nhận thấy đều phù hợp với nhau, do vậy xét đã có đủ căn cứ để xác định: Do muốn kết hôn với chị Phạm Thị Phượng B nhưng vì chưa ly hôn với vợ nên Trương Văn H đã đưa 3.000.0000 đồng cho Huỳnh Công Nguyên K để nhờ K làm giả giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho mình và chị B để chị B làm giấy khai sinh cho con và tin tưởng mà chung sống với H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về điều luật áp dụng*: Căn cứ điểm a khoản 4 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 30/6/2016 của Quốc hội thực hiện khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về

áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, thấy rằng: Tại Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù tối đa là ngang nhau, nhưng hình phạt tối thiểu Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 quy định nhẹ hơn nên Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được coi là nhẹ hơn. Vì vậy, áp dụng Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo là phù hợp. Cấp sơ thẩm vừa áp dụng Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 vừa áp dụng Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo là trái với nguyên tắc áp dụng pháp luật, cần rút kinh nghiệm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo kháng cáo xin chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền với lý do hành vi phạm tội của các bị cáo bị xử 06 tháng tù giam là không thỏa đáng và thiếu công bằng. Xét thấy, các bị cáo hiểu rõ luật pháp nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước. Thế nhưng vì bản tính coi thường pháp luật, muốn có được giấy chứng nhận kết hôn mà không phải thông qua các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật nên các bị cáo đã bất chấp mọi quy định để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung. Vì vậy, đối với các bị cáo phải xử lý về hình sự là phù hợp, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tính chất hành vi là ít nguy hiểm; động cơ, mục đích của bị cáo H là làm giả giấy chứng nhận kết hôn để làm giấy khai sinh cho con; còn bị cáo K giúp H làm giấy kết hôn giả chỉ thu lời bất chính 1.000.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa quyết định của bản án cấp sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền của các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K, sửa quyết định của bản án sơ thẩm số 46/2017/HS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn H (B), Huỳnh Công Nguyên K phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

Bị cáo **Trương Văn H (B) 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)** sung công quỹ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt:

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Công Nguyên K 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)** sung công quỹ.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Văn H, Huỳnh Công Nguyên K không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- PV27-Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- TAND thành phố Bà Rịa;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Công an thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Tạ Quốc Việt